

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN CÔNG BỐ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH KON TUM

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Nông nghiệp và Phát triển  
nông thôn tỉnh Kon Tum phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO  
9001:2015 đối với thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và giải quyết thủ  
tục hành chính**

*(theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 5  
năm 2024 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.**

Kon Tum, ngày tháng năm  
**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Tấn Liêm**

Số: /QĐ-SNN

Kon Tum, ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng**  
**phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015**

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh Kon Tum, về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 21/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt mới, sửa đổi Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh.*

*Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt sửa đổi Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh.*

*Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Kiểm lâm áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.*

*Căn cứ xác nhận của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;*

*Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 545/QĐ-SNN ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Ban chỉ đạo ISO xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Sở KH&CN;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu VT, Ban ISO.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Tấn Liêm**

**PHỤ LỤC I**  
**CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ**  
**PTNT TỈNH KON TUM ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN**  
**TCVN ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 5 năm 2024  
của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum)

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính.	QT KHTC-01
2	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	QT KHTC-02
3	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	QT KHTC-03
4	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	QT KHTC-04
5	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	QT KHTC-05
6	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	QT KHTC-06
7	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	QT KHTC-07
8	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	QT KHTC-08
9	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	QT KHTC-09
10	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	QT KHTC-10
11	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	QT KHTC-11
12	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QT KHTC-12
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	QT KHTC-13
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	QT KHTC-14
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	QT KHTC-15
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	QT KHTC-16
17	Công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn và được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp	QT KHTC-17

	và Phát triển nông thôn ban hành.	
18	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	QT KHTC-18
19	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	QT KHTC-19
20	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	QT KHTC-20
21	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng	QT KHTC-21